

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Quý 4 năm 2007)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	569.369.456.452	1.154.866.745.034
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	103.897.171.188	275.040.817.335
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.304.871.250	377.340.837.895
3	Các khoản phải thu	281.607.697.786	374.772.259.849
4	Hàng tồn kho	5.611.552.070	5.922.702.085
5	Tài sản ngắn hạn khác	157.948.164.158	121.790.127.870
II	Tài sản dài hạn	823.507.501.223	1.994.722.927.787
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	592.168.949.825	1.141.228.604.647
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	927.892.194.153	1.320.606.454.525
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(380.243.466.546)	(346.395.848.598)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	9.815.908.410	10.315.279.522
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(7.097.216)	(60.069.432)
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.711.411.024	156.762.788.630
3	Bất động sản đầu tư		
	- Nguyên giá		
	- Giá trị hao mòn lũy kế		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	208.067.033.625	817.488.427.089
5	Tài sản dài hạn khác	23.271.517.773	36.005.896.051
III	Tổng tài sản	1.392.876.957.675	3.149.589.672.821
IV	Nợ phải trả	737.421.260.316	865.942.574.139
1	Nợ ngắn hạn	437.779.213.878	444.508.331.844
2	Nợ dài hạn	299.642.046.438	421.434.242.295
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	636.656.890.898	2.262.071.248.155
1	Vốn chủ sở hữu	624.729.397.331	2.242.256.882.862
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	345.230.340.000	537.535.795.649
	- Thặng dư vốn cổ phần	40.979.565.250	1.366.907.462.400
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Các quỹ	71.915.267.441	14.071.254.525
	- Lợi nhuận chưa phân phối	166.604.224.640	323.742.370.288
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	11.927.493.567	19.814.365.293
	Lợi ích cổ đông thiểu số	18.798.806.461	21.575.850.527
VI	Tổng nguồn vốn	1.392.876.957.675	3.149.589.672.821

II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
(Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ...)
GEMADEPT CORP

STT	Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2007	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	429.340.014.075	1.185.515.458.787
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	429.340.014.075	1.185.515.458.787
4	Giá vốn hàng bán	390.014.906.338	948.382.449.948
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	39.325.107.737	237.133.008.839
6	Doanh thu hoạt động tài chính	82.892.058.511	165.020.880.398
7	Chi phí tài chính	57.778.026.352	82.567.899.675
8	Chi phí bán hàng	55.996.874	172.955.788
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.755.685.936	88.440.458.382
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.627.457.086	230.972.575.392
11	Thu nhập khác	51.978.046.526	52.324.459.156
12	Chi phí khác	173.754.337	879.302.289
13	Lợi nhuận khác	51.804.292.189	51.445.156.867
14	Lợi nhuận trước thuế	85.431.749.275	282.417.732.259

Hồ chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc